TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHONG THỔ** **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2023/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 9 năm 2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG THỔ TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Trung Tá.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Chiên, ông Tống Văn Chiên.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lê Văn Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa***: Ông Đào Mạnh Hân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2023 tại Trụ sở tòa án nhân dân huyện Phong Thổ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2023/TLST – HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị V T N, sinh năm 19... (Vắng mặt)

Địa chỉ: Bản A, xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

2. Bị đơn: Anh T V Đ, sinh năm 19... (Vắng mặt lần thứ 2)

Địa chỉ: Bản A, xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/7/2023, bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 21/7/2023 và tại đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 12/9/2023 nguyên đơn V T N, trình bày:

Về hôn nhân: Chị V T N và anh T V Đ ở chung với nhau như vợ chồng từ năm 2017, sau đó anh chị đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2019, có giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu cấp. Anh chị kết hôn trên tinh thần tự nguyện không bị ai ép buộc. Thời gian đầu, anh chị

chung sống hạnh phúc với nhau. Sau một thời gian, đến năm 2021 chị N và anh Đ thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do hai vợ chồng không hiểu ý nhau, thường hay cãi nhau và do anh Đ nghiện ma túy. Chị N và gia đình hai bên đã khuyên bảo anh Đ đi cai nghiện nhưng anh Đ không nghe. Sau đó đến cuối năm 2021, chị N sống ly thân với anh Đ, chị N về nhà bố mẹ đẻ để sinh sống, còn anh Đ và các con sinh sống cùng bố mẹ chồng tại bản A, xã B. Do không còn tình cảm vợ chồng nữa, chị N làm đơn khởi kiện lên Tòa án đề nghị Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị V T N và anh T V Đ có 02 con chung là cháu T Q N, sinh ngày: ../2017 và cháu T T P, sinh ngày ../2019. Hiện tại cả 02 cháu đang ở cùng với anh Đ và bố mẹ chồng tại bản ... Sau khi ly hôn, chị N đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu P cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Đ là người chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung, Do mỗi người nuôi một con nên không đề nghị anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung và chị N không phải cấp dưỡng cho anh Đ để nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh T V Đ trình bày: Anh nhất trí với trình bày của chị V T N về thời gian kết hôn, tài sản và vay nợ chung và có 02 con chung.

Anh Đ không nhất trí ly hôn và có nguyện vọng được đoàn tụ với chị N. Nếu chị N vẫn kiên quyết xin ly hôn anh yêu cầu được là người chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung là cháu T Q N, sinh ngày: ../2017 và cháu T T P, sinh ngày ../2019 đến khi các cháu trưởng thành và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Đ xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung.

Vị đại diện Viện kiểm sát huyện Phong Thổ phát biểu ý kiến tại phiên tòa, Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định.

Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, các Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về tình cảm: Chị N được ly hôn với anh Đ. Về con chung: Đề nghị giao cháu P cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng,

chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi, giao cháu N cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung đương sự không có yêu cầu nên không xem xét. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị V T N có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa anh và anh T V Đ. Tại thời điểm chị N gửi đơn đến Tòa án xin ly hôn thì chị N không xác định nơi ở của anh Đ ở đâu, anh Đ không cho ai biết địa chỉ cụ thể của anh ở đâu. Chị N chỉ xác định được nơi cư trú cuối cùng của anh Đ là ở bản A, xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, anh Đ vẫn liên lạc thường xuyên với gia đình, thỉnh thoảng có về lại địa phương để thăm gia đình. Do vậy đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có yêu cầu phản tố nên vụ án được xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị V T N và anh T V Đ đăng ký kết hôn ngày 18/3/2019 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, đã được Ủy ban nhân dân xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu cấp Giấy chứng nhận kết hôn, vì vậy đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

[3.2] Xét yêu cầu ly hôn của chị N: Sau khi về chung sống với nhau chị N và anh Đ chung sống hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai anh chị không hợp tính tính, vợ chồng không hiểu nhau, anh Đ có biểu hiện mắc tệ nạn xã hội. Từ đó cuộc sống vợ chồng căng thẳng, cãi vã nhau nhiều lần. Từ cuối năm 2021 đến nay hai anh chị sống ly thân và không ai quan tâm đến nhau. Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng giữa chị N và anh Đ đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung giữa hai vợ chồng thể kéo dài. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị N được ly hôn với anh Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3.3] Về con chung: Chị V T N và anh T V Đ có 02 con chung là cháu T Q N, sinh ngày: ../2017 và cháu T T P, sinh ngày ../2019, hiện cả hai cháu đang ở với ông bà nội. Nguyện vọng của chị N yêu cầu được chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu P cho đến khi 18 tuổi. Nguyện vọng của anh Đ là người chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cả 02 cháu cho đến khi 18 tuổi. Hai anh chị đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Chị N sau khi ly thân vẫn thường xuyên quan tâm, chăm sóc và gửi tiền về cho ông bà nội để nuôi dưỡng các con. Chị N và anh Đ đều có việc làm và thu nhập ổn định. Do đó, để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho các cháu Hội đồng xét xử cần giao cháu N cho anh Đ và cháu P cho chị N nuôi

dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi 18 tuổi là phù hợp. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[3.4] Về tài sản chung, vay nợ chung: Đương sự không có yêu cầu giải quyết về tài sản chung, không có nợ chung.

[4] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ là có cơ sở, phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí*:* Chị V T N được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm do sinh sống ở vùng đặc biệt khó khăn về kinh tế - xã hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, các Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273, của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của chị V T N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị V T N được ly hôn anh T V Đ.

2. Về con chung: Giao cháu T Q N, sinh ngày ../2017 cho anh T V Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Giao cháu T T P, sinh ngày ../2019 cho chị V T N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị V T N và anh T V Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn chị V T N và anh T V Đ có quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không có yêu cầu giải quyết về tài sản chung, không có nợ chung do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị V T N được miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Phong Thổ;*
- *TAND tỉnh Lai Châu;*
- *Chi cục THADS huyện Phong Thổ;*
- *UBND xã B;*
- *Lưu HS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Triệu Trung Tá